

Bản án số: 11/2019/DS-ST

Ngày: 16-4-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Duy Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1977; địa chỉ thường trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu và bà Lê Thị Thùy D, sinh năm 1972; địa chỉ thường trú: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; cùng tạm trú: Tổ 4, Khu phố 8, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

- Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu dân cư thương mại U, Khu phố 3, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/4/2018 và ngày 11/5/2018). Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Út T, sinh năm 1970 và bà Trần Thị Mỹ S, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Tổ 5, khu phố Ô, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn – ông Hồ Văn Đ và bà Lê Thị Thùy D trình bày:

Vào các ngày 10/10/2017, 15/10/2018, 22/10/2018 và 06/11/2017, ông Nguyễn Văn Út T và bà Trần Thị Mỹ S có vay của ông Đ và bà D tổng cộng số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Trước đó, ông Út T, bà S có nợ ông Đ, bà D số tiền là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng) cho nên tổng số nợ là 348.000.000 đồng. Ông T, bà S cam kết trong thời hạn 03 năm kể từ ngày vay nợ, ông T, bà S sẽ phải hoàn thành việc thanh toán lại số nợ vay và tiền lãi suất nêu trên cho ông Đ, bà D, nếu sai thì phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong hợp đồng vay, mặc dù ông Đ, bà D và ông T, bà S không ghi rõ mức lãi suất là bao nhiêu nhưng hai bên có thỏa thuận miệng mức lãi suất vay đối với số tiền 300.000.000 đồng trong một tháng là 2%/tháng.

Để làm tin và cũng để đảm bảo cho nghĩa vụ vay tiền của mình nên trước khi vay tiền của ông Đ, bà D thì ông T, bà S có cầm cố cho ông Đ, bà D 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 045611, sổ vào sổ số H00442/QSDĐ do UBND huyện V, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 06/06/2006 cho bà Trần Thị Mỹ S và ông Nguyễn Văn Út T đối với thửa đất số 704, tờ bản đồ số 06, diện tích đất 1.390,5m² thuộc thửa đất số 704, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp 8, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Ông T, bà S cam kết nếu không có khả năng thanh toán nợ và lãi suất hàng tháng thì ông T, bà S sẽ bán đất để trả nợ cho ông Đ, bà D.

Tuy nhiên, kể từ thời điểm ông T, bà S vay tiền của ông Đ, bà D nhưng không thực hiện đúng như các thỏa thuận cam kết như tại thời điểm vay, cụ thể là hàng tháng ông bà không trả tiền lãi suất hàng tháng cho ông Đ, bà D như đã thỏa thuận lúc vay, tại thời điểm vay thì ông bà cam kết là nếu không thanh toán lãi suất hàng tháng thì ông Đ, bà D có quyền yêu cầu ông, bà thanh toán trước thời hạn; hơn thế nữa hiện tại thì ông Đ, bà D đang cần số tiền này gấp để giải quyết một số vấn đề quan trọng trong gia đình, nên ông Đ, bà D có thông báo và yêu cầu ông bà phải thanh toán số tiền đó trước thời hạn cho vay.

Trong suốt thời gian vừa qua, nhiều lần ông Đ, bà D trực tiếp yêu cầu ông T, bà S phải thanh toán dứt điểm cho ông Đ, bà D toàn bộ số nợ gốc và lãi nêu trên nhưng ông T, bà S không thực hiện. Hành vi này của ông T, bà S đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ, bà D.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu như sau:

1. Buộc ông Nguyễn Văn Út T và bà Trần Thị Mỹ S thanh toán cho ông Hồ Văn Đ và bà Lê Thị Thùy D tổng số tiền nợ gốc là 348.000.000 đồng;

2. Buộc ông Nguyễn Văn Út T và bà Trần Thị Mỹ S thanh toán cho ông Hồ Văn Đ và bà Lê Thị Thùy D tiền lãi suất trong hạn và quá hạn đối với số tiền 300.000.000 đồng, cụ thể:

- Lãi suất trong hạn tính từ ngày ông T, bà S vay nợ là ngày 06/11/2017 đến ngày ông Đ, bà D yêu cầu trả nợ là ngày 25/3/2018, tương đương 04 tháng 19 ngày, lãi suất theo thỏa thuận là 2%/tháng với số tiền là $(300.000.000 \text{ đồng} \times 2\%) \times 04 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 25.254.000 \text{ đồng}$;

- Lãi suất quá hạn tính từ ngày ông Đ, bà D thông báo yêu cầu trả nợ là ngày 25/3/2018 đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm tạm tính là ngày 25/7/2018, tương đương 04 tháng, lãi suất 1,25%/tháng với số tiền là $(300.000.000 \text{ đồng} \times 1,25\%) \times 04 \text{ tháng} = 15.000.000 \text{ đồng}$;

Số tiền lãi suất trong hạn và quá hạn là 40.254.000 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) nguyên đơn ông Hồ Văn Đ và bà Lê Thị Thùy D yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Văn Út T và bà Trần Thị Mỹ S thanh toán là 388.254.000 đồng (Ba trăm tám mươi tám triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị X đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và lãi suất cơ bản theo quy định của Ngân hàng nhà nước từ ngày 25/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- **Bị đơn bà Trần Thị Mỹ S trình bày:** Trước đây bà S có vay của bà D, ông Đ số tiền 70.000.000 đồng để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên của vợ chồng bà S, ông T. Sau đó bà S tiếp tục cầm một chiếc xe Sirius cho bà D, ông Đ với giá 30.000.000 đồng và mượn T 30.000.000 đồng, đồng thời mua của bà D, ông Đ 01 chiếc xe Sirius với giá 11.000.000 đồng. Sau đó bà

S tiếp tục mượn bà D, ông Đ số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 4.000.000 đồng; cầm một thẻ ATM cho bà D, ông Đ 7.000.000 đồng; lãi 10.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền bà S mượn của bà D, ông Đ là 182.000.000 đồng cả gốc và lãi tính đến ngày 10/12/2017.

Đối với chứng cứ là “Tờ hỏi tiền” mà nguyên đơn cung cấp thì bà S có ý kiến như sau: Bà S không biết ai viết tờ hỏi tiền mà nguyên đơn cung cấp. Chữ ký trong giấy hỏi tiền không phải là chữ ký của bà S và ông T, vợ chồng bà S cũng không có viết các dòng chữ “ *Hôm nay ngày 22-10-2017 lấy thêm 77.000.000 đồng (Bảy Bảy triệu đồng) Hôm nay ngày 6- 11- 2017 đã đưa đủ 300.000.000 đồng...*”. Bà S xác định chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra là giả tạo. Bà S chỉ khẳng định có nợ của nguyên đơn số tiền 182.000.000 đồng, có làm giấy nợ nhưng nguyên đơn đã xé bỏ bà S giật lại được một phần tờ giấy nợ có ghi số nợ của vợ chồng bà S là “*Là 100,8200*” nghĩa là 182 triệu đồng do bà D ghi.

Vì vậy, trước yêu cầu khởi kiện của bà D, ông Đ thì bà S chỉ đồng ý thanh toán cho bà D, ông Đ số tiền 182.000.000 đồng. Đối với số tiền còn lại thì bà S không đồng ý thanh toán.

Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn bà Trần Thị Mỹ S không đến Tòa án tham gia tố tụng.

- **Bị đơn ông Nguyễn Văn Út T trình bày:** Ông T thống nhất với lời trình bày của bà S, do bận công việc nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Xác định trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán đã tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục phiên tòa.

- Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền vay là 300.000.000 đồng theo “Tờ hỏi tiền” nhưng hiện tại nguyên đơn không cung cấp được các mẫu chữ ký, chữ viết làm cơ sở giám định xác định có phải là chữ ký, chữ viết của bị đơn hay không. Tại tòa án, bị đơn thừa nhận chỉ nợ nguyên đơn số tiền 182.000.000 đồng, đây là tình tiết không cần phải chứng

minh cho nên chỉ có cơ sở buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 182.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn bà Trần Thị Mỹ S vắng mặt không tham gia phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do chính đáng. Bị đơn ông Nguyễn Văn Út T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Văn Út T và bà Trần Thị Mỹ S thanh toán nợ gốc là 348.000.000 đồng và tiền lãi suất là 47.460.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 395.460.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và lãi suất cơ bản theo qui định của Ngân hàng nhà nước từ ngày 25/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là ý chí tự nguyện của nguyên đơn và trong phạm vi khởi kiện, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét nội dung giấy hỏi tiền: Nội dung giấy hỏi tiền thể hiện nội dung vay, thời hạn vay, chữ ký và chữ viết của bị đơn. Bị đơn cho rằng không phải chữ ký của bị đơn. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định việc chứng minh là nghĩa vụ của bị đơn nhưng bị đơn không yêu cầu giám định, vì muốn giải quyết vụ án nhanh chóng nên nguyên đơn mới có đơn yêu cầu giám định tuy nhiên nguyên đơn không có điều kiện cung cấp những giấy tờ có chữ ký của bị đơn tại thời điểm vay làm mẫu so sánh cho cơ quan giám định cho nên hiện tại không đủ cơ sở giám định. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn xác định không có ký tên vào “Tờ hỏi tiền”, Tòa án đã giải thích nghĩa vụ chứng minh của đương sự nhưng bị đơn không có đơn yêu cầu giám định. Do vậy, có cơ sở xác định nội dung vay tiền thể hiện bằng giấy hỏi tiền trên giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật, ý kiến của nguyên đơn xác định có cho bị đơn vay số tiền 300.000.000

đồng là có căn cứ. Hợp đồng vay tiền trên là hợp đồng vay có kỳ hạn 03 năm, hợp đồng nguyên đơn xác định có lãi suất là 2%/tháng nhưng nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh nhưng có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Nguyên đơn xác định từ ngày vay (06/11/2017) bị đơn không thanh toán lãi và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc là có cơ sở chấp nhận. Như vậy, bị đơn ông T, S có trách nhiệm thanh toán nợ vay cho ông Đ, bà D số tiền sau:

- Tiền nợ gốc: 300.000.000 đồng;
- Tiền nợ lãi: $300.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} \times 20 \text{ ngày} = 28.500.000 \text{ đồng}.$

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thừa nhận vay 300.000.000 đồng mà cho rằng chỉ vay 182.000.000 đồng, có cung cấp giấy tay ghi nét chữ chữ số “182”. Xét, chứng cứ bị đơn cung cấp chỉ là bản phô tô, không có nội dung cụ thể nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bị đơn.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận một phần.

[4] Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn Đ và bà Lê Thị Thùy D đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Út T và bà Trần Thị Mỹ S về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Út T và bà Trần Thị Mỹ S có trách nhiệm thanh toán cho ông Hồ Văn Đ và bà Lê Thị Thùy D số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 28.500.000 đồng. Tổng số tiền các bị đơn ông Nguyễn Văn Út T và bà Trần Thị Mỹ S phải trả cho nguyên đơn ông Hồ Văn Đ và bà Lê Thị Thùy D là 328.500.000 đồng (Ba trăm hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ông Hồ Văn Đ và bà Lê Thị Thùy D phải trả lại cho ông Nguyễn Văn Út T và bà Trần Thị Mỹ S bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 045611, số vào sổ số H00442/QSDĐ do UBND huyện V, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 06/06/2006 cho bà Trần Thị Mỹ S và ông Nguyễn Văn Út T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu số tiền 1.020.000 đồng chi phí giám định, khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Út T và bà Trần Thị Mỹ S phải chịu 16.425.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn ông Hồ Văn Đ và bà Lê Thị Thùy D phải nộp 3.348.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 9.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013888 ngày 23/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T. Hoàn trả cho ông Hồ Văn Đ và bà Lê Thị Thùy D số tiền 6.352.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- CCTHADS thị xã T (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tâm